

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 003/EASTROC/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 88, Đường Bàu Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0886106996

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0317854385

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG BƯỞI HỒNG**

2. Thành phần: Nước, đường trắng, xi-rô glucose, chất điều chỉnh độ acid (INS 330, INS 331(iii), INS 296), hương liệu bưởi hồng tổng hợp, muối ăn (0,08%), kali clorua (0,023%), chất tạo phức kim loại (INS 575).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên nắp chai.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong bao bì nhựa PET, bên ngoài là thùng giấy. Bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

– Quy cách bao gói: Đóng gói kín

Thể tích thực: 555 ml/chai hoặc thể tích thực khác tùy theo nhu cầu của thị trường có thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC QUẢNG CHÂU

- Địa chỉ: Số 750, đường Sanjiang Lisan, thị trấn Shitan, quận Zengcheng, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông (ZP).
- Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC NAM NINH
- Địa chỉ: Số 68, đường Minghua, Quận Gaoxin, Thành phố Nam Ninh. (YP)
- Để biết nhà sản xuất cụ thể xem (ZP), (YP) ghi sau lô sản xuất.
- Xuất xứ: Trung Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng: QCVN 6-2:2010: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn và QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05
2	Cadimi	mg/l	1,0
3	Thủy ngân	mg/l	0,1

+ Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E. coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư 17/2023/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do bộ trưởng bộ y tế ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nội dung nhãn sản phẩm

Sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG Bưởi HỒNG

Thể tích thực: 555 ml

Thành phần: Nước, đường trắng, xi-rô glucose, chất điều chỉnh độ acid (INS 330, INS 331(iii), INS 296), hương liệu bưởi hồng tổng hợp, muối ăn (0,08%), kali clorua (0,023%), chất tạo phức kim loại (INS 575).

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG		
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 ml	% NRV*
Năng lượng	25 kcal	1%
Chất đạm	0 g	0%
Cacbohydrat	6,1 g	2%
Đường tổng số	6,1 g	
Chất béo	0 g	0%
Chất béo bão hòa	0 g	0%
Natri	65 mg	3%
Chloride	47 mg	
Kali	10 mg	
*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm. Nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày áp dụng cho người trưởng thành theo bảng khuyến nghị cho người Việt Nam.		

NSX xem trên nắp chai. HSD: 12 tháng kể từ NSX.

Cách bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nhiệt độ cao.

Lưu ý: Tránh hâm nóng hoặc làm đông đá.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp. Ngon hơn khi uống lạnh.

Nếu có sự kết tủa nhẹ của các thành phần điện giải thì cũng là hiện tượng bình thường, không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm.

Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC QUẢNG CHÂU

Địa chỉ: Số 750, đường Sanjiang Lisan, thị trấn Shitan, quận Zengcheng, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông (ZP).

Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC NAM NINH

Địa chỉ: Số 68, đường Minghua, Quận Gaoxin, Thành phố Nam Ninh. (YP)

Để biết nhà sản xuất cụ thể xem (ZP), (YP) ghi sau lô sản xuất.

Xuất xứ: Trung Quốc.

Được nhập khẩu bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 88, Đường Bàu Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0886106996

Số hồ sơ tự công bố: 003/EASTROC/2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
LIN, DAIQIN

[illegible]

(Ký tên, đóng dấu)



Nước Uống Điện Giải Eastroc Water Boost Hương Bưởi Hồng
Thực phẩm bổ sung

1.43-

Thành phần: Nước, đường trắng, xi-rô glucose, chất điều chỉnh độ acid (INS 330, INS 331(ii), INS 296), hương liệu bưởi hồng tổng hợp, muối ăn (0,08 %), kali clorua (0,023 %), chất tạo phức kim loại (INS 575).

NSX: Xem trên nắp chai **HSD:** 12 tháng kể từ NSX.

Cách bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nhiệt

24cm

độ cao. **Lưu ý:** Tránh hâm nóng hoặc làm đông đá.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

Nếu có sự kết tủa nhẹ của các thành phần điện giải thì cũng là hiện tượng bình thường, không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm.

Nhập khẩu bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM). Địa chỉ: Tầng 2, số 88, Đường Bàu Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



6 934502 301584

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	Trong 100 ml	% NRV*
Năng lượng	25 kcal	1 %
Chất đạm	0 g	0 %
Cacbohydrat	6,1 g	2 %
Đường tổng số	6,1 g	
Chất béo	0 g	0 %
Chất béo bão hoà	0 g	0 %
Natri	65 mg	3 %
Chloride	47 mg	
Kali	10 mg	

*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm. Nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày áp dụng cho người trưởng thành theo bảng khuyến nghị cho người Việt Nam.

Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC QUẢNG CHÂU. Địa chỉ: Số 750, đường Sanjiang Lisan, thị trấn Shitan, quận Zengcheng, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông.(ZP) / Sản xuất bởi: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC NAM NINH. Địa chỉ: Số 68, đường Minghua, quận Gaoxin, Thành phố Nam Ninh. (YP) / Để biết nhà sản xuất cụ thể xem (ZP),(YP) ghi sau lô sản xuất.

Xuất xứ: Trung Quốc. Số hồ sơ tự công bố 003/Eastroc/2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



林戴钦



Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: HFG52406107065-2

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)
Địa chỉ/ Client's Address : Tầng 2, Số 88, Đường Bàu Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 03/06/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 03/06/2024 - 11/06/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 11/06/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG BƯỞI HỒNG
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Clorua (Cl ⁻) (Tính từ NaCl) (*) / Chloride (Cl ⁻) (calculated from NaCl) (*)	47.4	mg/100mL	AVA-KN-PP.HL/09
2	Kali (K)(*) / Potassium (K)(*)	10.1	mg/100mL	AVA-KN-PP.QP/015 (Ref. AOAC 985.35)
3	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	25	kcal/100mL	AVA-KN-PP.HL/10
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/02
5	Đạm (*) / Protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/01
6	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	6.18	g/100mL	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
7	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	6.04	g/100mL	AVA-KN-PP.HL/03
8	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	65.1	mg/100mL	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
9	Xơ tổng số (*) / Total dietary fiber (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.6)	g/100mL	TCVN 9050:2012





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
10	Piperonyl butoxide / Piperonyl butoxide	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/L	AVA-KN-PP.SK/049 (Ref. AOAC 2007.01)
11	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	%	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**) : Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- ^(CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ ^(CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- ^(TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ ^(TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

176926
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN
UDKH AVATEK
HỒ CHÍ MINH

[Signature]

Trang/ Page No: 3/3

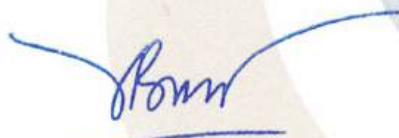
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: HFG52406107065-2

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100mL		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	25	kcal	1%
Chất đạm (Protein)	0	g	0%
Carbohydrate	6.18	g	2%
Đường tổng số (Total Sugars)	6.04	g	-
Chất béo (Fat)	0	g	0%
Natri (Sodium)	65.1	mg	3%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 Kcal; Chất đạm: 50g; Carbohydrate: 325g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56g; Chất béo bão hòa: 20g; Natri: 2000mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IDC4240701347-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)
Địa chỉ/ Client's Address : Tầng 2, Số 88, Đường Bàu Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 20/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/07/2024 - 25/07/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 25/07/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG BƯỚI HỒNG
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Streptococci Faecal (*) / Streptococci Faecal (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	NMKL 68, 5th ed., 2011
5	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	AVA-KN-PP.VS/055 (Ref. ISO 16266:2006)
6	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	AOAC 975.55
7	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: IDC4240701347-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
8	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 1)	CFU/mL	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
9	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**)(*): Items are tested by subcontractor, currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK

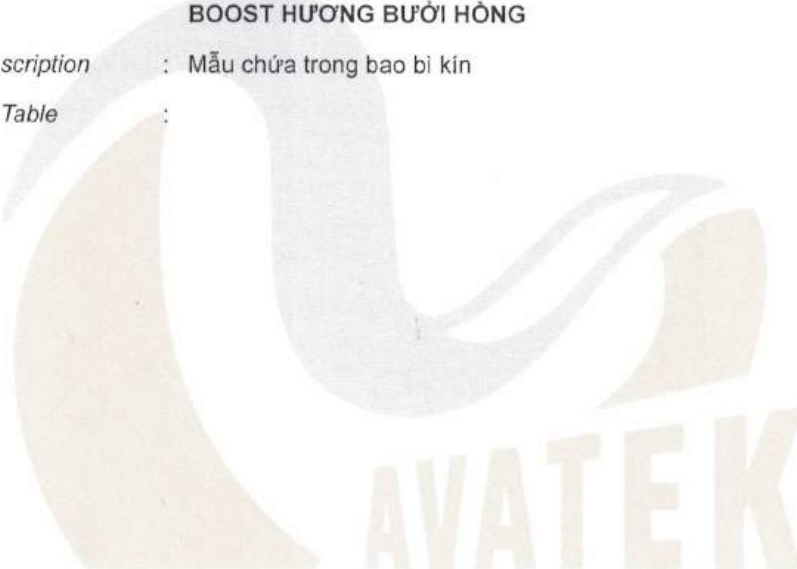


Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OGF2241001493-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)
Địa chỉ/ Client's Address : Tầng 2, Số 88, Đường Bàu Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 26/10/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 26/10/2024 - 29/10/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 29/10/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG BƯỞI HỒNG
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ Results Table :





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: OGF2241001493-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/L	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)



Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**),(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**),(*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Theo phương pháp thử Vi sinh, kết quả được thể hiện < 10 CFU/g hoặc < 1 CFU/mL khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch/ According to the test microbiology method, the result is expressed < 10 CFU/g or < 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT

EASTROC (VIỆT NAM)

Số : 04/2024/CV-EASTROC

V/v: Điều chỉnh địa chỉ công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO

Kính gửi: Sở An Toàn Thực Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 110, đường Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 09 năm 2024, công ty chúng tôi có thay đổi địa chỉ trên giấy phép kinh doanh, cụ thể như sau

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày nộp	Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới
1	THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC VITAMIN EASTROC	001/EASTROC/2023	05/10/2023	Tầng 2, Số 88, Đường Bà Cát 3, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tầng 2, Số 110, đường Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC VITAMIN EASTROC	001/EASTROC/2024	04/07/2024		
3	THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG BUỔI HỒNG	003/EASTROC/2024	21/08/2024		

Bằng thông báo này, chúng tôi thông báo tới Quý Sở về việc thay đổi địa chỉ đính kèm các hồ sơ Tự công bố nói trên của chúng tôi,

Chúng tôi đính kèm: Giấy phép kinh doanh địa chỉ mới sao y công chứng,

Chúng tôi cam kết nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm theo đúng quy định của Nhà nước.

Chân thành cảm ơn!



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

Kính gửi: Sở An Toàn Thực Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Phòng 1408, Tầng 14, Toà nhà Melinh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2025 , công ty chúng tôi có thay đổi địa chỉ trên giấy phép kinh doanh, cụ thể như sau

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày nộp	Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới
1	THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC VITAMIN EASTROC	001/EASTROC/2023	05/10/2023	Tầng 2, Số 110, đường Phó Cơ Điều,	Phòng 1408, Tầng 14, Toà nhà Melinh Point, Số 2
2	THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC VITAMIN EASTROC	001/EASTROC/2024	04/07/2024	Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3	THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG Bưởi HỒNG	003/EASTROC/2024	21/08/2024		

Bằng thông báo này, chúng tôi thông báo tới Quý Sở về việc thay đổi địa chỉ đính kèm các hồ sơ Tự công bố nói trên của chúng tôi,

Chúng tôi đính kèm: Giấy phép kinh doanh địa chỉ mới sao y công chứng,

Chúng tôi cam kết nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm theo đúng quy định của Nhà nước.

Chân thành cảm ơn!



LIN DAI QIN

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) GUANGZHOU EASTROC BEVERAGE CO., LTD. NO. 750 LISAN ROAD, SANJIANG, SHITAN TOWN, ZENGCHENG DISTRICT, GUANGZHOU, CHINA			Reference No. E257860807850024		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) EASTROC BEVERAGE (VIETNAM) COMPANY LIMITED ROOM 1408, 14TH FLOOR, MELING POINT BUILDING, NO. 2, NGO DUC KE STREET, BEN NGHE WARD, 1 DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM TELEPHONE: 0886106996			ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date APR. 26, 2025 Vessel's name / Aircraft etc. CRCT0811 Port of Discharge YEN VIEN, VIET NAM FROM NANNING, CHINA TO YEN VIEN, VIET NAM BY RAILWAY			4. For Official Use Verification: origin.customs.gov.cn ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	ONE THOUSAND ONE HUNDRED AND SEVENTY SIX (1176) CARTONS OF EASTROC WATER BOOST ELECTROLYTE DRINK (GRAPFRUIT FLAVOR) HS CODE: 2202.10 *** **	"PE"	15664.32LITERS	ESRSC202502#0022 APR. 19, 2025
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the <u>VIET NAM</u> (Importing Country) Huangpu, China, APR. 29, 2025 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.   2552000095890 Huangpu, China, APR. 29, 2025 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate			☐ Exhibition ☒ Third Party Invoicing		

255203002358545

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM
INDONESIA
MYANMAR
THAILAND

CAMBODIA
LAOS
PHILIPPINES
VIETNAM

CHINA
MALAYSIA
SINGAPORE

2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:

- (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
- (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).

3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC UỐNG ĐIỆN GIẢI EASTROC WATER BOOST HƯƠNG BƯỞI HỒNG.

2. Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT EASTROC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 2, Số 110, đường Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0886106996

3. Thành phần cấu tạo: Nước, xi-rô fructose, đường trắng, chất điều chỉnh độ acid (INS 330, INS 331(iii), INS 296), hương liệu bưởi hồng tổng hợp, muối ăn (0,08%), kali clorua (0,023%), chất tạo phức kim loại (INS 575).

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	Kcal/100 ml	22 – 28
2	Carbohydrate	g/100 ml	5,3 – 6,9
3	Chất béo	g/100 ml	0
4	Protein	g/100 ml	0
5	Đường tổng	g/100 ml	5,5 – 6,7
6	Natri	mg/100 ml	60 - 70
7	Chloride	mg/100 ml	40 – 54
8	Kali	mg/100 ml	5 – 15

- QCVN 6-2:2010: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn và

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm Số: 02/TCSP - EASTROC /2025 Ngày 01/01/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05
2	Cadimi	mg/l	1,0
3	Thủy ngân	mg/l	0,1

+ Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật: QCVN 6-2:2010: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E. coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Thông tư 17/2023/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do bộ trưởng bộ y tế ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2023.

6 Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong bao bì nhựa PET, bên ngoài là thùng giấy. Bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
- Quy cách đóng gói: 555 ml/chai; 1 L/chai; 3,33 L (555 ml x 6 chai)/thùng; 13,32 L (555 ml x 24 chai)/thùng; 13,32 L (555 ml x 6 chai x 4 lốc)/thùng; 12 L (1 L/chai x 12 chai)/thùng, hoặc theo nhu cầu thị trường.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất xem trên bao bì của sản phẩm .

- 7 **Hướng dẫn sử dụng:** Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. Nếu có sự kết tủa nhẹ của các thành phần điện giải thì cũng là hiện tượng bình thường, không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm..
- 8 **Lưu ý:** Tránh hâm nóng hoặc làm đông đá.
- 9 **Cách bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nhiệt độ cao
- 10 **Nội dung ghi nhãn sản phẩm:** Sản phẩm có thông tin Tiếng Việt trên nhãn chính
- 11 **Quy trình sản xuất:** Sản phẩm được nhập khẩu nguyên vẹn.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)
EASTRAL
VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LIÊN DẠI DẠI



Zhongjian Certification Co., Ltd.

CERTIFICATE OF CONFORMITY OF HAZARD ANALYSIS AND CRITICAL CONTROL POINT (HACCP) SYSTEM

No: 007HACCP2400008

This is to certify that the Hazard analysis and critical control point (HACCP) system of
NANNING EASTROC BEVERAGE CO., LTD.

NO.68 MINGHUA ROAD, NANNING HIGH-TECH ZONE

is in conformity with

- 《Haccp System Certificate Enforcement Regulation Attachment 2》
—— 《Haccp System Certificate Requirment (V1.0)》

- Corresponding industry/sub industry categories
(CIV Processing of products at room temperature)

THE ACTIVITIES AND LOCATIONS INVOLVED WITH PRODUCTION OF OTHER BEVERAGE
(ELECTROLYTE BEVERAGE, ENERGY BEVERAGE), OTHER SPECIAL DIETARY FOOD (SPORTS
NUTRITION SUPPLEMENTS), HEALTH FOOD (DONGPENG SPECIAL BEVERAGE) WITHIN THE
QUALIFICATION SCOPE LOCATED AT NO.68 MINGHUA ROAD, NANNING HIGH-TECH ZONE,
NANNING EASTROC BEVERAGE CO., LTD. (PRODUCTION WORKSOP)

(This certificate only covers the sites listed. If the covered scope involves pre-approval of administration permit or compulsory certification requirement, the scope only covers products
and services within the permit license or compulsory certification scope)

Date of issue: 2024-1-11

Date of the certificate changed: 2025-1-13

Term of validity of this certificate: from 2024-1-11 to 2027-1-10 inclusive

This certificate remains valid only if the certified organization accepts and passes regular surveillance audits.



Representative of The Company



中国认可
管理体系
MANAGEMENT SYSTEM
CNAS C007- M

The validity of this certificate could be confirmed via official Website Of CNCA (www.cnca.gov.cn)
Further to the certificate applicability, please enquire the certified organization: visit www.gzcc.org.cn or contact GZCC 020-66390902
4/F, Huajing Building, Guangzhou Dadaozhong, Guangzhou City, Guangdong Province, China (510600) Zhongjian Certification Co., Ltd.



食品安全管理体系认证证书

证书编号: 001FSMS1600574

兹证明

广州市东鹏食品饮料有限公司

统一信用代码: 91440183786080785X

注册地址: 中国广东省广州市增城石滩镇三江荔三路 750 号

生产地址: 中国广东省广州市增城石滩镇三江荔三路 750 号

建立的食品安全管理体系符合标准

此材料仅供客户留档备查使用, 禁作他用, 再次复印无效。

ISO 22000:2018

食品安全管理体系

食品链中各类组织的要求 (包含 HACCP 原理)

食品链 (子) 行业类别: CIV

通过认证范围如下:

茶类饮料 (茶饮料、其他茶 (类) 饮料)、果蔬汁类及其饮料 (果蔬汁饮料)、其他饮料 (植物饮料、风味饮料、能量饮料、电解质饮料)、保健食品【东鹏特饮 (原名: 东鹏特饮 (维生素功能饮料))、东鹏特饮®牛磺酸 B 族维生素饮料】的生产

首次发证日期: 2014 年 1 月 23 日 本次发证日期: 2025 年 1 月 10 日 有效期至: 2025 年 12 月 25 日

CQC 编号: 00123F20304R2M/4400

在一个监督周期后, 本证书必须与 CQC 签发的监督审核合格通知书合并使用方可有效。查询证书有效状态请登陆 www.cqc.com.cn
本证书信息可在国家认证认可监督管理委员会公示的网站 (www.cnca.gov.cn) 上查询



中国认可
国际互认
管理体系
MANAGEMENT SYSTEM
CNAS C001-M

谢肇煦

Signed by: Xie ZhaoXu

MEMBER OF



中国质量认证中心

CHINA QUALITY CERTIFICATION CENTRE

中国·北京·南四环西路188号9区 100070

<http://www.cqc.com.cn>



FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

Certificate No.: 001FSMS1600574

THIS IS TO CERTIFY THAT
Guangzhou Eastroc Beverage Co.,Ltd.

Business Registration Number: 91440183786080785X

Registered Address: No.750 Lisan Road, Sanjiang, Shitan Town, Zengcheng District, Guangzhou, Guangdong, 511325, China
Production Address: No.750 Lisan Road, Sanjiang, Shitan Town, Zengcheng District, Guangzhou City, Guangdong Province, 511325, China

Food Safety Management System
has been awarded this certificate for compliance with the standard
ISO 22000:2018

Food Safety Management Systems -- Requirements for any Organization in the Food Chain (Based HACCP)

Food Chain (Sub) category: CIV

The Food Safety Management System Applies in the following area:
此材料仅供客户留档备查使用，禁作他用，再次复印无效。

Production of Tea Beverage (Tea beverage, Other Category of Tea Beverages), Fruit and Vegetable Juice and Its Beverages (Fruit and Vegetable Juice Beverages), Other Beverages (Plant Beverages, Flavored Beverages, Energy Beverages, Electrolyte Drink), Health Food [Eastroc (Original name: Eastroc Vitamin Energy Drink), Eastroc Energy Drink® With Taurine and B-vitamins]

Certified since: January 23, 2014 Valid from: January 10, 2025 Valid until: December 25, 2025

CQC No. : 00123F20304R2M/4400

After a surveillance cycle, the certificate is valid only when used together with an Acceptance Notice of Surveillance Audit issued by CQC.

Please access www.cqc.com.cn for checking validity of the certificate.

This certificate and its relevant information can query in the website of Certification and Accreditation Administration of the People's Republic of China (www.cnca.gov.cn).



中国认可
国际互认
管理体系
MANAGEMENT SYSTEM
CNAS C001-M

谢肇煦

Signed by: Xie ZhaoXu

MEMBER OF



中国质量认证中心
CHINA QUALITY CERTIFICATION CENTRE

Section 9, No. 188, Nansihuan Xilu, Beijing 100070 P. R. China

<http://www.cqc.com.cn>

Certificate

CQC has issued an IQNET recognized certificate that the organization:

Guangzhou Eastroc Beverage Co.,Ltd.

Registered Address: No.750 Lisan Road, Sanjiang, Shitan Town, Zengcheng District, Guangzhou, Guangdong, 511325, China

Production Address: No.750 Lisan Road, Sanjiang, Shitan Town, Zengcheng District, Guangzhou City, Guangdong Province, 511325, China

has implemented and maintains a
Food Safety Management System
for the following scope:

Production of Tea Beverage (Tea beverage, Other Category of Tea Beverages), Fruit and Vegetable Juice and Its Beverages (Fruit and Vegetable Juice Beverages), Other Beverages (Plant Beverages, Flavored Beverages, Energy Beverages, Electrolyte Drink), Health Food [Eastroc (Original name: Eastroc Vitamin Energy Drink), Eastroc Energy Drink® With Taurine and B-vitamins]

which fulfils the requirements of the following standard:

ISO 22000:2018

Issued on: January 10, 2025

First issued on: January 23, 2014

Expires on: December 25, 2025

Registration Number: CN00123F20304R2M/4400

此材料仅供客户留档备查使用，禁作他用，再次复印无效。




Alex Stoichitoiu
President of IQNET


Xie Zhaoxu
President of CQC



This attestation is directly linked to the IQNET Member's original certificate and shall not be used as a stand-alone document.

IQNET Members*:

AENOR Spain **AFNOR Certification** France **APCER** Portugal **CCC** Cyprus **CISQ** Italy **CQC** China **CQM** China **CQS** Czech Republic
Cro Cert Croatia **DQS Holding GmbH** Germany **EAGLE Certification Group** USA **FCAV** Brazil **FONDONORMA** Venezuela **ICONTEC**
Colombia **ICS** Bosnia and Herzegovina **Inspecta Sertifointi Oy** Finland **INTECO** Costa Rica **IRAM** Argentina **JQA** Japan **KFQ** Korea
LSQA Uruguay **MIRTEC** Greece **MSZT** Hungary **Nemko AS** Norway **NSAI** Ireland **NYCE-SIGE** Mexico **PCBC** Poland **Quality Austria**
Austria **SII** Israel **SIQ** Slovenia **SIRIM QAS International** Malaysia **SQS** Switzerland **SRAC** Romania **TSE** Turkey **YUQS** Serbia

* The list of IQNET Members is valid at the time of issue of this certificate. Updated information is available under www.iqnet-certification.com

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) GUANGZHOU EASTROC BEVERAGE CO., LTD. NO. 750 LISAN ROAD, SANJIANG, SHITAN TOWN, ZENGCHENG DISTRICT, GUANGZHOU, CHINA			Reference No. E257860807850024		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) EASTROC BEVERAGE (VIETNAM) COMPANY LIMITED ROOM 1408, 14TH FLOOR, MELING POINT BUILDING, NO. 2, NGO DUC KE STREET, BEN NGHE WARD, 1 DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM TELEPHONE: 0886106996			ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date APR. 26, 2025 Vessel's name / Aircraft etc. CRCT0811 Port of Discharge YEN VIEN, VIET NAM FROM NANNING, CHINA TO YEN VIEN, VIET NAM BY RAILWAY			4. For Official Use Verification: origin.customs.gov.cn ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	ONE THOUSAND ONE HUNDRED AND SEVENTY SIX (1176) CARTONS OF EASTROC WATER BOOST ELECTROLYTE DRINK (GRAPFRUIT FLAVOR) HS CODE: 2202.10 *** **	"PE"	15664.32LITERS	ESRSC202502#0022 APR. 19, 2025
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the <u>VIET NAM</u> (Importing Country) Huangpu, China, APR. 29, 2025 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.   2552000095890 Huangpu, China, APR. 29, 2025 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate			☐ Exhibition ☒ Third Party Invoicing		

255203002358545

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM
INDONESIA
MYANMAR
THAILAND

CAMBODIA
LAOS
PHILIPPINES
VIETNAM

CHINA
MALAYSIA
SINGAPORE

2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:

- (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
- (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).

3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".